TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 28/3/2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Sâm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 14/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 24/2025/QĐST - DS ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng C1.**

Địa chỉ: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn X – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C. Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Xuân H – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu T, xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Trần Đại L,** sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu T, xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu Đ, xã C (nay là xã P),

huyện C, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu Đ, xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Hoàng Thế A, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu Đ, xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Ông H, ông H1, ông D, ông A xin giải quyết vắng mặt; Chị T1, anh L vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1, Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Trần Xuân H có quan điểm trình bày:

Chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Đại L có vay tiền chương trình cho vay Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, số khế ước 6600000708157920 số tiền vay là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), ngày vay 15/8/2016, ngày trả nợ 14/7/2021, lãi suất cho vay là 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay là 59 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền trả nợ là 7.000.000đ/lần, đã gia hạn đến ngày 08/01/2024 và đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 08/01/2024. Đến ngày 28/3/2025 chị T1, anh L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 35.000.000đ. Tiền lãi là 28.311.164đ (trong đó nợ lãi trong hạn là 23.318.630đ, nợ lãi quá hạn là 4.992.534đ), tiền lãi đã trả là 4.303.368đ. Còn nợ tiền lãi là 24.007.796đ. Tổng cả gốc và lãi còn nợ là 59.007.796đ.

Quá trình vay vốn chị T1, anh L đã vi phạm hợp đồng tín dụng, chây ỳ không trả nợ cho Ngân hàng. Khi chị T1, anh L không trả nợ Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã P), Hội đoàn T2 nhận uỷ thác, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn, cán bộ Ngân hàng CSXH huyện C đã đôn đốc việc trả nợ nhiều lần để thu hồi nguồn vốn của Nhà nước nhưng chị T1, anh L không trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Đại L phải trả nợ cho Ngân hàng C1 - Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2025 là 59.007.796đ (trong đó nợ tiền gốc vay là 35.000.000đ, nợ tiền lãi là 24.007.796đ) và toàn bộ lãi phát sinh đến khi anh C trả hết nợ cho Ngân hàng.

2, Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đại L: Quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của các đương sự trong hồ sơ vụ án.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2025 ông Trần Văn Đ, sinh năm 1952. Địa chỉ: Khu T, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (bố đẻ anh L) trình bày: Ông là bố đẻ của anh Trần Đại L và là bố chồng của chị Nguyễn Thị T1. Ngày

10/8/2016 chị T1 và anh L có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn để vay vốn số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) của Ngân hàng CSXH huyện C, tỉnh Phú Thọ để mua bò sinh sản. Ngày 15/8/2016 Ngân hàng CSXH huyện C đã giải ngân cho chị T1, anh L vay số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), lãi suất 0,75%/ tháng. Thời hạn trả nợ là ngày 14/7/2021. Tuy nhiên đến thời điểm trả nợ do khó khăn nên chị T1, anh L chưa trả được số nợ trên cho Ngân hàng. Ngân hàng đã gia hạn nợ hai lần cho chị T1 và đã chuyển nợ quá hạn nhưng đến nay chị T1 vẫn chưa trả được nợ cho Ngân hàng cả gốc và lãi.

Toà án đã cho ông Đ tiếp cận công khai các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng CSXH huyện C cung cấp cho Toà án gồm sổ vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay thu nợ dư nợ, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/8/2016, giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 06/7/2021, giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 08/10/2023, giấy đề nghị thay đổi thông tin chứng minh nhân dân ngày 27/5/2024, ông Đ xác nhận chữ ký, chữ viết tên của chị T1 và chữ ký, chữ viết tên của anh L trong hồ sơ là đúng chữ ký, chữ viết của chị T1, anh L. Việc chị T1, anh L vay số tiền trên là đúng. Sau khi vay tiền chị T1, anh L cùng nhau sử dụng số tiền trên. Quá trình vay vốn do gặp khó khăn về kinh tế nên chị T1, anh L chưa trả được nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện quan điểm của ông như sau: Số tiền nợ trên là nợ chung của chị T1 và anh L nên chị T1, anh L đều phải có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp chị T1 và anh L không đến Toà án làm việc thì đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị T1, anh L vì việc Ngân hàng khởi kiện chị T1, anh L biết rõ nhưng do bận đi làm nên anh chị không đến Toà án làm việc được.

4, Người làm chứng:

4.1, Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2025 ông Nguyễn Tiến D trình bày: Thời điểm tháng 8/2016 ông làm tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn khu Đ, xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ cho Ngân hàng CSXH huyện C. Ngày 10/8/2016 chị Nguyễn Thị T1 có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để đề nghị Ngân hàng CSXH huyện C cho vay số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Ngày 15/8/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho chị T1 vay số tiền 35.000.000đ lãi suất là 0,75%/ tháng, chị T1 đã được nhận đủ số tiền trên. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/7/2021. Ông xác nhận chữ ký, chữ ghi tên Nguyễn Thị T1 ở mục người vay tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/8/2016 là đúng chữ ký, chữ viết tên của chị T1. Nay Ngân hàng N khởi kiện chị T1 ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị T1 và anh L phải có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Ông cam đoan lời khai của ông ở trên là hoàn toàn khách quan và đúng sự thật.

4.2, Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2025 ông Nguyễn Xuân H1 trình bày: Hiện nay ông làm tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn của Ngân hàng CSXH huyện C và thực hiện nhiệm vụ tại khu Đ, xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú

Thọ. Ngày 10/8/2016 chị Nguyễn Thị T1 có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để đề nghị Ngân hàng CSXH huyện C cho vay số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng). Ngày 15/8/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho chị T1 vay số tiền 35.000.000đ lãi suất là 0,75%/ tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/7/2021. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ chị T1 đã không trả nợ được số nợ trên cho Ngân hàng. Ngân hàng đã gia hạn nợ 02 lần và chuyển nợ quá hạn. Việc chị T1 vay số tiền trên của Ngân hàng là đúng. Toàn bộ chữ ký của chị T1 và chữ viết tên của chị T1, chữ ký của anh L trong hồ sơ vay vốn do Ngân hàng cung cấp ông đã được tiếp cận. Ông xác nhận đúng chữ ký, chữ viết tên của chị T1, anh L. Nay Ngân hàng khởi kiện ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T1 và anh L phải có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Ông cam đoan lời khai của ông ở trên là hoàn toàn khách quan và đúng sự thật.

4.3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2025 ông Hoàng Thế A trình bày: Thời điểm năm 2021 đến năm 2023 ông làm Chủ tịch Hội nông dân xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Ngày 10/8/2016 chị T1 có làm giấy đề nghị vay vốn đối với Ngân hàng CSXH huyện C để vay số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), lãi suất là 0,75%/ tháng. Thời điểm trả nợ cuối cùng là ngày 14/7/2021. Tuy nhiên quá trình vay vốn chị T1 đã không trả được số nợ trên cho Ngân hàng. Nên ngày 06/7/2021 chị T1 có giấy đề nghị gia hạn nợ và ngày 08/10/2023 chị T1 tiếp tục có giấy gia hạn nợ lần 2. Ông xác nhận chữ ký, chữ viết tên của chị T1 ở mục người vay tiền trong 2 giấy đề nghị gia hạn nợ là đúng chữ viết, chữ ký tên của chị T1. Ông có ký xác nhận ở mục đại diện của Tổ chức chính trị xã hội nhận uỷ thác cấp xã để đề nghị Ngân hàng gia hạn nợ cho chị T1 và có xác nhận của UBND cấp xã là ông Trần Văn K là Chủ tịch xã. Từ đó đến nay chị T1 không trả được nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng. Số tiền trên là do chị T1 và anh L trực tiếp sử dụng. Nay Ngân hàng khởi kiện ông đề nghị chị T1 và anh L phải có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Ông cam đoan lời khai của ông ở trên là hoàn toàn khách quan và đúng sự thật.

5, Ngày 25/02/2025 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xác minh tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Ngày 10/8/2016 chị Nguyễn Thị T1 có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn đối với Ngân hàng CSXH huyện C để vay số tiền là 35.000.000đ để thực hiện dự án mua bò sinh sản. Ngày 15/8/2016 Ngân hàng CSXH huyện C đã giải ngân cho chị T1 vay số tiền 35.000.000đ, lãi suất 0.75%/ tháng, thời hạn trả nợ là ngày 14/7/2021. Tuy nhiên đến hạn trả nợ chị T1, anh L không trả được số tiền nợ cho ngân hàng. Quá trình vay tiền đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả gốc và lãi cho Ngân hàng đúng hạn.

Thời điểm tháng 8/2016 ông Nguyễn Tiến D làm tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn tại khu Đ, xã C. Từ năm 2021 đến năm 2023 ông Hoàng Thế A là chủ tịch hội nông dân xã C, ông Trần Văn K là Chủ tịch UBND xã C là đúng. Chữ ký của ông A và ông K trong giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 06/7/2021 và ngày 08/10/2023 là đúng chữ ký của ông A và ông K. Việc chị T1 làm hồ sơ và vay số tiền trên của Ngân hàng là đúng. Khi chị T1, anh L không trả nợ địa phương và Hội nông dân xã đã đôn đốc nhiều lần nhưng chị T1 không trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vi phạm về nghĩa vụ quy đinh tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 275, Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ điều 90, điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 7, Điều 8, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị Nguyễn Thị T1.

Buộc chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Đại L phải trả nợ cho Ngân hàng C1 - Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C tổng số tiền nợ gốc là 35.000.000đ và tiền lãi, lãi quá hạn đến ngày 28/3/2025.

Kể từ ngày 29/3/2025 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, chị T1, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong sổ vay vốn với số khế ước 6600000708157920 đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Đại L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung

cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp phát sinh về Hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3, điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu T, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Về sự vắng mặt của của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Trần Xuân H và những người làm chứng có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía bị đơn chị Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đại L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 10/8/2016 chị Nguyễn Thị T1 có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn đối với Ngân hàng CSXH huyện C để vay số tiền 35.000.000đ để thực hiện việc mua bò sinh sản. Ngày 15/8/2016 Ngân hàng CSXH huyện C đã giải ngân cho chị T1 vay số tiền 35.000.000đ, thời hạn trả nợ là ngày 14/7/2021, lãi suất cho vay là 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay là 59 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền trả nợ là 7.000.000đ/lần. Chị T1 đã đề nghị gia hạn nợ theo giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 06/7/2021 và giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 08/10/2023 và đã được Ngân hàng gia hạn đến ngày 08/01/2024 và đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 08/01/2024. Tuy nhiên đến hạn trả nợ chị T1 không trả được số tiền nợ cho Ngân hàng. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn, nguyên đơn đã cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn như sổ vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay thu nợ dư nợ, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/8/2016, giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 06/7/2021, giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 08/10/2023. Các tài liệu chứng cứ trên có chữ ký của chị T1, anh L được bố đẻ anh L là ông Trần Văn Đ và những người làm chứng xác nhận là đúng chữ ký của chị T1, anh L. Do vậy, việc thực hiện vay vốn và cho vay giữa các bên đều hoàn toàn tự nguyện, chị T1, anh L vay tiền của Ngân hàng CSXH huyện C là có căn cứ, đến nay chị T1, anh L chưa trả số tiền trên cho Ngân hàng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Xét về số tiền vay và nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn được lập ngày 10/8/2016. Ngân hàng CSXH huyện C đã giải ngân cho chị T1 vay số tiền 35.000.000đ, lãi suất 0.75%/ tháng. Thời điểm trả nợ cuối cùng là ngày 14/7/2021. Tuy nhiên quá trình vay vốn chị T1 đã không trả được số nợ trên cho ngân hàng. Nên ngày 06/7/2021 chị T1 có giấy đề nghị gia hạn nợ và ngày 08/10/2023 chị T1 tiếp tục có giấy gia hạn nợ lần hai. Trong quá trình vay vốn chị T1, anh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ để nợ gốc quá hạn và lãi đọng không thanh toán cho Ngân hàng. Số tiền còn nợ tính đến ngày 28/3/2025 là 59.007.796đ (trong đó nợ tiền gốc vay là 35.000.000đ, nợ tiền lãi là 24.007.796đ) và toàn bộ lãi phát sinh đến khi anh C trả hết nợ cho Ngân hàng. Anh L có ký vào danh sách thành viên hộ gia đình phía sau sổ vay vốn và giấy ủy quyền cho chị T1 vay tiền. Sau khi vay tiền chị T1, anh L cùng nhau sử dụng số tiền trên nên là nợ chung của chị T1, anh L. Do đó cần buộc chị T1, anh L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong là phù hợp.

[2.3] Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị T1, anh L. Chị T1, anh L phải trả tổng số tiền vay nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/3/2025 là 59.007.796đ (trong đó nợ tiền gốc vay là 35.000.000đ, nợ tiền lãi là 24.007.796đ) và toàn bộ lãi phát sinh đến khi anh C trả hết nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong là phù hợp.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Đại L phải chịu 2.950.390đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn ba trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 275; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 90, điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 7, Điều 8, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị Nguyễn Thị T1.

Buộc chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Đại L phải trả nợ cho Ngân hàng C1 - Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/3/2025 là 59.007.796đ (trong đó nợ tiền gốc vay là 35.000.000đ, nợ tiền lãi là 24.007.796đ).

Kể từ ngày 29/3/2025 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, chị T1, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong sổ vay vốn với số khế ước 6600000708157920 đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả.

[2] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Đại L phải chịu 2.950.390đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn ba trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu HS - VP

Đinh Thị Thu Huyền